

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2023/HNGĐ-ST

Ngày 14/04/2023

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hạnh ;

Bà Nguyễn Thị Thuần.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Vân, Thư ký TAND quận Bắc Từ Liêm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 456/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐHPT-HNGĐ ngày 28/03/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Kim A, sinh năm 1983; Nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố số 1, phường P, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Căn hộ 1, số 13 H, phường P, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 5/38, ngõ 342 Hồ Tùng Mậu, tổ dân phố số 12, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn đề ngày 02/11/2022 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị Kim A và bị đơn ông Trần Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn B và bà Vũ Thị Kim A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 27/3/2009 tại UBND phường Cát Bi, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Ông bà chung sống hạnh phúc trong 05 năm đầu tiên của hôn nhân tuy cũng có những bất đồng trong cuộc sống. Từ năm 2016 – 2018, ông bà ngày càng không giải quyết được các mâu thuẫn trong cuộc sống mặc dù cả hai bên đã cùng nhau cố gắng. Vì vậy, ông B, bà A đã quyết định sống li thân để cả hai bên cùng nhìn nhận lại. Tuy nhiên, sau khi ly thân, ông bà cảm thấy đây là quyết định đúng đắn và ông bà đã sống li thân được 04 (Bốn) năm. Ông B, bà A yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

Về con chung: Ông B, bà A có hai con chung là Trần Vũ Minh T, sinh ngày

10/3/2010 và Trần Hà L, sinh ngày 07/12/2012. Hiện cả hai con con của ông bà đều đang sống với mẹ là bà A. Ông bà thỏa thuận giao cả hai con chung cho bà A nuôi dưỡng và ông bà tự thỏa thuận mức ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông bà không có nên không có thỏa thuận về tài sản.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông B, bà A thay đổi các nội dung thỏa thuận nêu trên. Tại Đơn đề nghị ngày 12/01/2023 gửi Tòa án, bà A đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ việc theo thủ tục chung. Bà A có nguyện vọng được li hôn với ông B, được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung của ông bà, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- *Tại bản tự khai đề ngày 29/11/2022, ngày 28/02/2023 bà A trình bày:* Từ năm 2015, do nghi ngờ các mối quan hệ của bà, ông B thường xuyên chửi bới, nhục mạ tinh thần của bà, gửi thư đến lãnh đạo cơ quan nơi bà làm việc, liên hệ với đồng nghiệp đi công tác cùng để tra hỏi về bà làm ảnh hưởng đến uy tín của bà. Ngoài ra ông B có những hành vi hành hạ tinh thần của bà trong nhiều năm. Năm 2018, không hiểu vì lý do gì ông B vứt bỏ hết quần áo của bà ra khỏi nhà và bà cùng hai con phải sang ở với bố mẹ đẻ của bà A tại khu Goldmark city. Hai ông bà sống li thân từ đó đến nay. Ông B cũng không nói gì, chẳng để tâm và ung dung sống ở nhà đó một mình, chẳng lo, nghĩ gì. Một mình bà A nuôi các con ăn học, thỉnh thoảng ông B mới sang thăm con (Khoảng 01 tháng/lần). Do bất đồng ngôn ngữ nên hai bên không thể cùng nhau nói chuyện, mâu thuẫn không được giải quyết. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai vợ chồng luôn căng thẳng trong mối quan hệ vợ chồng, không tôn trọng nhau. Bà A có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung của ông bà và không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con. Lý do vì: Trước kia và cả thời điểm làm thủ tục li hôn, ông B không quan tâm, không dành tình cảm cho con cái. Ông B có cách cư xử là: Khi bức tức, sẽ trút giận vào các con, áp đặt quan điểm sống của ông B, của người làm bố lên các con, không vừa ý sẽ đánh con, dù các con không sai. Các con của ông bà, trong thời gian ở với bà khi ông bà li thân cũng ít giao tiếp với ông B. Có những lần bà A bận, muốn gửi con cho ông B, các con cũng năn nỉ không muốn sang ở với bố - do sợ bố đánh. Theo bà biết, ông B làm tại Cục đường sắt Việt Nam, thu nhập của ông B khoảng 08 triệu đồng/tháng. Ông B có khó khăn là bố đẻ ông B bị tai biến, phụ thuộc vào sự chăm nuôi của ông B (Do các anh em của ông B không có khả năng, bố ông B không có lương hưu) nên bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Ông bà không có.

Tại đơn đề ngày 15/02/2023, bà A trình bày: Bà A đang công tác tại Phòng Quản lý khoa học, trường Đại học Ngoại thương, công việc ổn định, thời gian làm việc cố định (từ thứ 2 đến thứ 6), thỉnh thoảng đi công tác (theo quyết định của Nhà trường), đủ thời gian để đảm bảo chăm sóc các con. Thu nhập bình quân 03 tháng gần nhất của bà A (tiền lương, phụ cấp tính theo hệ số chức vụ chuyên viên chính) là hơn 17.000.0000 đồng. Ngoài ra, bà A còn làm thêm các dự án khác để có thêm thu nhập. Về điều kiện sinh hoạt, chỗ ở: Trước năm 2017, bà A cùng hai con sống tại căn nhà số 1, phường P, quận Bắc Từ Liêm - căn nhà bố bà A cho vợ chồng bà ở nhờ và đứng tên vì thời điểm làm sổ đỏ bố mẹ bà A đang ở Hải Phòng (Hiện tại căn nhà đã sang tên trả

lại cho bố mẹ bà A. Sau khi bà A ra khỏi nhà vào năm 2018, ông B vẫn tiếp tục sống tại đây đến nay - kể cả sau khi đã trả nhà cho bố mẹ bà A). Bà A và hai con hiện sống cùng bố mẹ bà A tại căn hộ 1, 136 Hồ Tùng Mậu, Phú Diễn, Bắc Từ Liêm từ năm 2018 (Căn hộ có 03 phòng ngủ). Con chung của ông bà, cháu T học tại Trường THCS Nam Từ Liêm và cháu L học Trường Tiểu học Tây Hà Nội, đều đi xe tuyến của trường, đón tại sảnh chung cư và khoảng cách đến trường là gần. Bố mẹ bà A có sức khỏe nên các con của ông bà được sự hỗ trợ chăm sóc đảm bảo và cuộc sống đầy đủ. Cuộc sống của các cháu gần như không có bàn tay của người bố, mọi thứ đều do bà A sắp xếp từ việc học gì, học trường nào, định hướng như nào,.... Các con của ông bà có cuộc sống sinh hoạt và học tập tốt như các bạn cùng trang lứa. Bà A muốn chấm dứt hôn nhân cũng vì các con bà A xứng đáng có cuộc sống ổn định hạnh phúc, vui vẻ hơn dù bà A biết nỗi buồn của con khi không có bố bên cạnh (Con bé đã từng về khóc với bà ngoại và nói rằng “Bà ơi, Bông buồn lắm. Các bạn có bố đến đón, còn Bông không có”). Các con bà A đã từng hi vọng gia đình lại quay về đoàn tụ như xưa nhưng bị bố làm cho thất vọng. Ông B luôn thể hiện mình là người bố có công việc ổn định, có đủ điều kiện tài chính và thời gian quan tâm và chăm sóc con cái nhưng những điều ông làm trong thời gian li thân của ông bà hoàn toàn đối lập. Số lần ông B đón con ở trường, tham gia các hoạt động ngoại khóa cùng con, chở con đi học,... tỷ lệ nghịch với số lần ông quát tháo, dọa nạt, thất hứa, thậm chí đòi giết bọn trẻ nếu chúng không nghe lời. Ông B không nỗ lực để trò chuyện cùng con cái, quan tâm xem con mình sống như thế nào, chuyện học tập và bạn bè ở trường ra sao, có sở thích/năng khiếu gì mà chỉ xuất hiện chớp nhoáng, quát mắng bọn trẻ vì chúng làm sai, làm chậm, không hiểu bài, luôn bảo bà A là con trai hư, ham chơi, mê game nhưng thật sự con là cậu bé già dặn trước tuổi và thật sự rất có ý thức trong mọi việc của cuộc sống cá nhân đặc biệt là việc học. Ông B từng nói với cháu B: “Tao để mày ra thì tao có quyền giết mày”, đã in sâu nỗi ám ảnh trong lòng các con bà A. Điều đó để lại cho các con là nỗi ám ảnh, dần hình thành nên sự phản kháng ngày càng lớn của bọn trẻ, khiến con không còn mặn mà với việc gặp mặt bố. Các cháu đã đủ lớn để hiểu và nói lên cảm xúc của bản thân, đã nói với bà A “Con không muốn đi cùng bố B. Bố không yêu con”. Nếu ông B thực sự yêu thương đến con cái của mình thì mọi chuyện đã khác, bà A cũng sẽ không tranh giành nuôi con. Ông B chỉ coi con cái là đồ vật quyền sở hữu của mình: “mày là con tao, tao bảo gì mày cũng phải nghe theo”, chứ không phải là những đứa trẻ có cảm xúc, có suy nghĩ.

- Tại **Đơn đề nghị** “*về việc đề nghị nhận nuôi con trong vụ ly hôn với chị Vũ Thị Kim A, trú tại: Tổ 1, phường P, quận Bắc Từ Liêm đang được Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm thụ lý*” đề ngày 16/12/2022, ông Trần Văn B trình bày và đề nghị: Ông và bà A chưa thỏa thuận được việc ai là người trực tiếp nuôi dạy hai con chung của ông bà là các cháu Trần Vũ Minh T, sinh ngày 10/3/2010 và Trần Hà L, sinh ngày 07/12/2012. Ông B đã trình bày căn cứ để ông được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Vũ Minh T của ông như sau: Bà A thường xuyên đi công tác (Do tính chất công việc) nên vắng nhà thường xuyên và thường xuyên đi làm về muộn (sau 19 giờ hàng ngày). Cháu Trí năm nay 13 tuổi, thuộc giai đoạn phát triển từ trẻ em sang tuổi

trưởng thành, có nhiều thay đổi về tâm lí, thể chất – là độ tuổi quan trọng với cháu, cần được sự nắm bắt tâm lí kịp thời. Ông B là công chức, công việc ổn định, rất ít đi công tác nên có thời gian chăm sóc, nuôi dạy con. Bà A đã từng ngoại tình, là nguyên nhân chính dẫn đến việc ly hôn, các con thiếu thốn tình cảm từ nhỏ nên bà A chưa đủ điều kiện, tư cách chăm sóc, nuôi dạy con ông. Cháu Trí hiện đang theo học tại Trường THCS Nam Từ Liêm, gần nơi ông cư trú, ông nuôi cháu Trí sẽ thuận lợi cho cuộc sống ổn định, phát triển của cháu. Ông B đề nghị Tòa án: Trao quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Vũ Minh T cho ông và trao quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Hà L cho bà A; Yêu cầu bà A để hai con chung của ông bà được gặp nhau thường xuyên, đi chơi cùng bố cũng như về thăm ông bà, họ hàng; Và yêu cầu bà A thực hiện đầy đủ các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Tại Văn bản đề ngày 03/02/2023 gửi Tòa án, ông B trình bày: Ông là công chức tại đơn vị tham mưu thuộc Bộ Giao thông Vận tải, công việc ổn định, làm giờ hành chính, ít đi công tác (Bà A thường xuyên đi công tác, kể cả thứ bảy, chủ nhật) nên chăm sóc, nuôi dưỡng con cái không tốt, không đầy đủ. Thu nhập của ông ổn định (Bình quân 03 tháng gần nhất 19.324.876 đồng). Về điều kiện sinh hoạt, chỗ ở: Hiện ông có nhà đất ở Hải Phòng và đang làm thủ tục rao bán – nhà đất có giá trị khoảng 8.2 tỉ đồng (Diện tích là 139.6m²) để mua một căn nhà gần trường của các con hoặc mua lại nhà của bố mẹ ông. Ông thấy con lớn của ông bà có biểu hiện chơi game (Có thưởng), đá bóng với các anh lớn (Có hiện tượng các anh lớn hút thuốc lá) nên cần có sự giám sát, nhắc nhở... để cháu tập trung học tập. Kèm theo đơn, ông gửi bảng thu nhập 03 tháng (Ông tự lập), bản chụp chi tiết lương, thu nhập tháng 12/2022, tháng 01,02/2023 (Bản chụp trên ứng dụng thanh toán trực tuyến) và giá nhà đất tại Hải Phòng (Tự lập). Ông B cũng đề nghị Tòa án không thực hiện hòa giải vì không cần thiết và không đến làm việc tại Tòa án tại văn bản trên và văn bản đề ngày 22/02/2023.

Trước khi mở phiên tòa ngày 14/04/2023, ông B đã gửi đơn xin xét xử vắng mặt qua bưu điện và đề nghị được nuôi một trong hai con chung hoặc nuôi cả hai con chung là các cháu Trần Vũ Minh T, Trần Hà L.

Tại phiên tòa:

- Bà Vũ Thị Kim A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn B ; giao cả hai con chung của ông bà là Trần Vũ Minh T, sinh ngày 10/3/2010 và Trần Hà L, sinh ngày 07/12/2012 cho bà trực tiếp nuôi dưỡng; bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con; Bà không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung; Bà và ông B không có vay nợ chung.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ việc:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên

tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã chấp hành các quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xử cho bà A được ly hôn với ông B; Về con chung: Giao hai con chung của ông bà là cháu Trần Vũ Minh T, sinh ngày 10/3/2010 và Trần Hà L, sinh ngày 07/12/2012 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; Về án phí: Bà A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 18/11/2022, Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm thụ lý việc hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” theo đơn yêu cầu đề ngày 02/11/2022 của ông Trần Văn B và bà Vũ Thị Kim A gửi qua bưu điện. Sau khi Tòa án thụ lý đơn, ông B, bà A không thống nhất được thỏa thuận về nuôi con sau ly hôn nên ngày 12/01/2023, Tòa án đã ra thông báo về việc đình chỉ giải quyết việc hôn nhân gia đình và thụ lý vụ án ly hôn để giải quyết theo thủ tục chung.

- **Về thẩm quyền:** Các đương sự trong vụ án cư trú tại quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm theo quy định tại Điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Việc xét xử vắng mặt ông B:** Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông B, ông B đã có các văn bản trình bày ý kiến của ông về việc giải quyết vụ việc và đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Tòa án nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông B.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Kim A và ông Trần Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 27/3/2009 tại UBND phường Cát Bi, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau. Theo bà A, ông B ghen tuông vô cớ, làm mất uy tín của bà A tại nơi làm việc, nói những lời xúc phạm đến bà A. Theo ông B, bà A thường xuyên đi công tác, không quan tâm đến gia đình và ngoại tình. Tuy lý do về mâu thuẫn hai bên đưa ra là khác nhau nhưng ông bà đều khẳng định hai vợ chồng đã ly thân khoảng 05 năm và hai bên không có biện pháp gì để cải thiện mâu thuẫn. Ông B và bà A đã làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gửi Tòa án. Tuy nhiên, do có những bất đồng về việc nuôi con sau ly hôn và ông B không đến Tòa án làm việc nên bà A đã đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ việc ly hôn giữa bà và ông B. Xét bà A và ông B

không còn tình cảm, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng hướng tới mục đích chung là xây dựng hôn nhân, gia đình hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà A xin ly hôn với ông B là có căn cứ. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A đối với ông B.

2.2. Về con chung :

Ông B, bà A có hai con chung là Trần Vũ Minh T, sinh ngày 10/3/2010 và Trần Hà L, sinh ngày 07/12/2012. Từ khi ông B, bà A li thân đến nay, bà A là người trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Bà A đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho bà nuôi dưỡng, ông B đề nghị Tòa án giao một trong hai hoặc cả hai cháu cho ông trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét điều kiện nuôi dưỡng con chung của ông B, bà A:

+ Bà A hiện sống tại căn hộ 1801, tòa nhà R1, khu chung cư Goldmark city, số 136 Hồ Tùng Mậu, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Căn hộ này của bố mẹ đẻ bà, bà và hai cháu Trí, Linh sống tại đây từ năm 2018 đến nay. Ông Vũ Trung Khiên, bà Nguyễn Thị Năm là bố mẹ đẻ bà A đã có ý kiến bằng văn bản về việc cho bà A và các con sinh sống cùng ông bà sau khi ly hôn, tạo điều kiện và giúp đỡ bà A chăm nom, nuôi dưỡng cháu Trí, cháu Linh. Bà A có công việc ổn định (Là giảng viên trường Đại học Ngoại thương), có thu nhập ổn định (Hơn 17 triệu đồng/tháng) và thu nhập thêm từ các dự án của Trường.

+ Ông B hiện sống tại nhà số 5/38, ngõ 342 Hồ Tùng Mậu, tổ dân phố số 12, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, là nhà đất của ông Khiên, bà Năm – bố mẹ đẻ bà A. Ông B trình bày là hiện ông có bất động sản ở Hải Phòng, trị giá khoảng 8,2 tỉ đồng – ông đang rao bán để mua nhà gần trường học của con ông hoặc mua lại nhà của bố mẹ đẻ tiện cho con cái học tập (Nhưng ông B không xuất trình được chứng cứ về tài sản này). Ông B có công việc ổn định, là công chức tại Cục Đường sắt (Bộ Giao thông Vận tải), với thu nhập bình quân 03 tháng (11,12/2022 và tháng 01/2023) là trên 19 triệu đồng/tháng và thu nhập thêm từ kinh doanh chứng khoán (Ông B nộp qua đường bưu điện các bản chụp qua ứng dụng cài đặt trên điện thoại, gửi tới Tòa án).

Xét nguyện vọng của các cháu Trí, Linh:

+ Tại Biên bản ghi ý kiến của Tòa án ngày 24/02/2023 của Tòa án, khi được hỏi nguyện vọng ở với ai khi bố mẹ ly hôn, cháu Trí trình bày: Hàng ngày cháu đi học bằng xe tuyến của trường, kết quả học tập của cháu ở trường tốt. Cháu và em gái sống cùng với mẹ và ông bà ngoại từ năm 2018. Bố cháu ít khi thăm, ít gọi điện cho hai anh em. Sinh hoạt của các cháu đều do mẹ và ông bà ngoại chăm lo. Gần đây, bố cháu có bảo cháu về ở với bố nhưng cháu muốn cả hai anh em ở cùng với nhau và ở với mẹ.

+ Tại Biên bản ghi ý kiến của Tòa án ngày 24/02/2023 của Tòa án, khi được hỏi nguyện vọng ở với ai khi bố mẹ ly hôn, cháu Linh trình bày: Cháu đang ở cùng mẹ, anh trai và ông bà ngoại tại Goldmark city từ năm 2018, bố cháu ở một mình tại Phú Diễn. Hàng ngày cháu đi học bằng xe tuyến của Trường, có ông bà đưa đón, kết quả học tập của cháu tốt. Bố cháu ít đến thăm, mấy tháng một lần. Việc sinh hoạt, học tập

của hai anh em cháu hàng ngày đều cùng mẹ và ông bà ngoại. Khi dạy cháu, bố cháu không kiên trì và có lời lẽ quát mắng khiến cháu sợ bố. Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ và anh trai.

Ý kiến của cơ quan quản lý về gia đình, xã hội ở địa phương: Phòng Lao động, Thương binh xã hội quận Bắc Từ Liêm, sau khi được Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham khảo ý kiến đã có ý kiến tại văn bản số 106/LĐTĐ-XH ngày 02/03/2023: “Tòa án nhân dân Quận cần xem xét về điều kiện nuôi con cụ thể của hai bên. Trường hợp cả cha và mẹ đều có đủ khả năng và đều muốn nuôi con, để đảm bảo quyền lợi cho con khi cha mẹ li hôn đối với trường hợp này, Tòa án phải xem xét đến nguyện vọng của hai cháu (đều có nguyện vọng ở với mẹ), để các cháu sau khi bố mẹ li hôn được sống trong môi trường an toàn, để phát triển trong điều kiện tốt nhất cả về thể chất lẫn tinh thần.”

Xét về quyền lợi mọi mặt của các con khi giao cho cha mẹ nuôi sau li hôn thấy:

+ Về điều kiện kinh tế (Chỗ ở, công việc, thu nhập): Bà A và ông B đều có đủ điều kiện để nuôi con theo nguyện vọng. Hai bên đều có chỗ ở, công việc ổn định. Ông B hiện làm việc tại Cục Đường sắt, bà A là giảng viên trường Đại học Ngoại thương. Bà A, ông B có thu nhập ổn định, đủ nuôi con (Trong 03 tháng gần nhất: Tháng 11,12/2022 và tháng 01/2023). Ông B khai thu nhập trung bình là hơn 19 triệu đồng/tháng từ lương và tham gia các dự án của Đơn vị, gửi bản tự chụp số tiền nhận được qua ứng dụng ngân hàng và bà A cũng thừa nhận ông B thu nhập khoảng 08 triệu đồng/tháng). Bà A thu nhập trung bình hơn 17 triệu đồng/tháng.

+ Điều kiện thời gian giành cho con, phẩm chất đạo B, sức khỏe: Ông B, bà A đều đang làm tại các đơn vị hành chính, hành chính sự nghiệp, thu nhập hàng tháng đủ theo lương. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi tuân thủ theo quy định của Bộ luật Lao động nên có đủ điều kiện nuôi con. Do tính chất công việc, thỉnh thoảng bà A phải đi công tác xa. Ông B cho rằng bà A thường xuyên đi công tác, phải gửi con cho bố mẹ để nuôi. Ông B cũng cho rằng bà A ngoại tình – là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng nhưng ông B không xuất trình được chứng cứ gì về việc bà A ngoại tình, hay thường xuyên đi công tác xa.

- *Các điều kiện khác:* Ông B, bà A đều có nguyện vọng tha thiết được nuôi con sau ly hôn (Ông B có nguyện vọng nuôi cháu Trí, bà A có nguyện vọng nuôi cả hai con là cháu Trí và cháu Linh).

+ Thực tế: Sau khi ông B, bà A sống ly thân. Bà A và hai cháu T, L chuyển đến sinh sống tại căn hộ của bố mẹ đẻ bà A và bà A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Trí và Linh. Theo lời khai của bà A và ý kiến của các cháu T, L trung bình mỗi tháng ông B chỉ thăm nom con chung một lần. Các cháu T và L cũng trình bày là ông B thỉnh thoảng mới về thăm con (Khoảng một tháng/lần) và việc chăm sóc các cháu là do mẹ và ông bà ngoại làm. Ông B chưa cung cấp ý kiến về vấn đề này cho Tòa án và không đến Tòa án theo triệu tập nên Tòa án không có ý kiến của ông B về vấn đề này.

+ Về tình cảm của các con với cha mẹ: Qua ý kiến của cháu L trình bày tại Tòa án, cháu sợ bố (Vì bị bố quát mắng khi dạy cháu học)

+ Về sự hỗ trợ cần thiết của gia đình: Ngoài sự hỗ trợ về chỗ ở, bà A còn được bố mẹ để hỗ trợ trong việc đưa đón, chăm sóc con cái vì bố mẹ bà A còn khỏe, sống cùng nhà với mẹ con bà (Ông Khiên, bà Năm là cha mẹ đẻ bà A đã có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án).

Như vậy, xem xét mọi mặt, để đảm bảo lợi ích cho các cháu T, L có cuộc sống tốt nhất, đảm bảo sự phát triển của trẻ, sau khi ông B, bà A li hôn, cần giao các cháu T, L cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông B đến khi có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: Ông B, bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Bà A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng : Các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị Kim A đối với ông Trần Văn B.

3. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Kim A được ly hôn ông Trần Văn B.

4. Về con chung : Bà A và ông B có hai con chung là Trần Vũ Minh T, sinh ngày 10/3/2010 và Trần Hà L, sinh ngày 07/12/2012. Giao các cháu Trần Vũ Minh T và Trần Hà L cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

5. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông B vì bà A không yêu cầu.

6. Về tài sản chung, nợ chung: Ông B, bà A không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

7. Về án phí: Bà A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng theo biên lai số 0043501 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm nay chuyển thành án phí. Bà A đã nộp đủ án phí.

8. Về quyền kháng cáo : Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND, VKSND TP Hà Nội;
- VKSND; CC THADS Bắc Từ Liêm;
- UBND P.Cát Bi, Q.Hải An, TP.Hải Phòng (Số 33/QI/2009);
- Lưu hồ sơ; Văn thư.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Loan